

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2022

V/v ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Tuấn

2/ Ông Nguyễn Văn Sở

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 109/3 ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

2/ Bị đơn: Bà Phan Thị Tuyết V, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 2/52 ấp X, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/06/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Việt T trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà V kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được hơn 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân giữa bà V với gia đình ông không hòa hợp, bà V tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Lúc đầu con còn nhỏ ông hay đi tới đi lui khuyên bà V trở về lại gia đình nhưng bà V không đồng ý, thời gian sau ông không đến nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể sống chung nên ông yêu cầu được ly hôn với bà V.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/10/2014, hiện nay đang do bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn bà Phan Thị Tuyết V vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai nội dung sự việc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà V biết Tòa án có thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của ông T theo quy định pháp luật, nhưng bà V không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc ông T xin ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không có lý do nên Toà án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T yêu cầu ly hôn với bà V.

Về con chung: Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/10/2014. Ông T đồng ý giao con cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Xét thấy, tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, ông Nguyễn Việt T và bà Phan Thị Tuyết V đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C ngày 16/4/2014, phù hợp quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là hôn nhân hợp pháp. Ông T trình bày hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2016, không thể tiếp tục sống chung, cơ hội hàn gắn là không có; bà V không hợp tác trong suốt quá trình tố tụng. Nhận thấy, hai người đã ly thân một thời gian dài, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly

hôn của ông T là có cơ sở. Về con chung, ông T đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Gia H cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, vào ngày đầu tiên của tháng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Ông T được ly hôn với bà V. Về con chung: Bà V tiếp tục nuôi dưỡng cháu H; ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, vào ngày đầu tiên của tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Đề nghị:

- Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền:

Ông Nguyễn Việt T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Phan Thị Tuyết V. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân thành phố T, Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.2. Về xét xử vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn: Ngày 03/8/2022 ông Nguyễn Việt T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Tòa án nhân dân thành phố T, Long An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định cho bà Phan Thị Tuyết V nhưng bà V vẫn vắng mặt.

Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Việt T và bà Phan Thị Tuyết V có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 16/04/2014 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà V. Trong thời gian thu thập chứng cứ, Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của ông T và bà V tại nơi đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An nhưng Ủy ban nhân dân không cung cấp được cho Tòa án, đối với Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T cũng không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của ông T và bà V. Về phía bà V, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bà V cố tình không đến tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà V đến Tòa án tham gia hòa giải theo quy định Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà V vẫn không đến Tòa án. Như vậy phía bà V không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với ông T nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa ông T và bà V không còn, tình trạng vợ chồng giữa ông T và bà V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung:

Trong quá trình chung sống, ông T và bà V có một con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/10/2014, hiện nay đang do bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao con cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, vì vậy giao cho bà V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng: ghi nhận sự tự nguyện của ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

Ông T và bà V có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: ông T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn V phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Việt T đối với bà Phan Thị Tuyết V.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Việt T ly hôn với bà Phan Thị Tuyết V.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/10/2014 cho bà Phan Thị Tuyết V trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Việt T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (ba triệu đồng/một tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo quy định tại các Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn Việt T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Việt T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001696 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An. Ông T phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thành phố T;
- CC.THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Kim Loan

